

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1831/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ... 8307 ... Ngày: ... 10/10 ...

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 phải phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và quy hoạch xây dựng vùng Hà Nội; đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với quy hoạch ngành, lĩnh vực.

2. Phát huy tối đa tiềm năng lợi thế về vị trí cửa ngõ, nguồn nhân lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; phát triển các ngành theo chiều sâu có sức cạnh tranh cao; tập trung đầu tư và thu hút các nguồn lực phát triển cho các ngành kinh tế có lợi thế gắn với chuỗi sản xuất hàng hóa trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế; phấn đấu trở thành tỉnh có vị trí quan trọng trong tổng thể nền kinh tế vùng đồng bằng sông Hồng.

3. Phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; phát triển đồng bộ y tế, văn hóa, giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất; bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch theo hướng hiệu quả và bền vững.

4. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; giữ vững quốc phòng an ninh; chú trọng công tác bảo vệ môi trường sinh thái.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát.

Xây dựng Bắc Ninh trở thành tỉnh phát triển bền vững, hài hòa giữa khu vực đô thị và nông thôn, có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, trong đó đô thị lõi Bắc Ninh đạt tiêu chuẩn đô thị loại I; các lĩnh vực y tế, văn hoá, giáo dục đào tạo phát triển toàn diện, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện, môi trường sinh thái, an ninh chính trị, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Phân đấu đến năm 2015, Bắc Ninh cơ bản thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại và chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết về hạ tầng kỹ thuật để tiến tới trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào những năm 20 của thế kỷ 21.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân thời kỳ 2011 - 2030 đạt khoảng 10,5%, trong đó giai đoạn đến 2015 là 13%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 là 11,5%/năm; giai đoạn 2021 - 2030 là 9,0%/năm; tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2011 - 2030 chiếm 33 - 35% GDP.

- Đến năm 2020: GDP bình quân đầu người đạt 146,2 triệu đồng (khoảng 6.560 USD); tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp trong cơ cấu GDP tương ứng chiếm 73,2%, 23,0%, 3,8%; tổng kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 20 tỷ USD; thu ngân sách trên địa bàn tỉnh tăng bình quân khoảng 12%.

- Định hướng đến năm 2030: GDP bình quân đầu người đạt 346,7 triệu đồng (khoảng 14.450 USD); tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp trong cơ cấu GDP tương ứng chiếm 58,2%, 40,0%, 1,8%. Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 30 tỷ USD; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân khoảng 10%.

b) Về xã hội:

- Đến năm 2020: Quy mô dân số khoảng 1,21 triệu người; giảm tỷ lệ thất nghiệp thành thị xuống còn 2,5%; tỷ lệ đô thị hoá đạt 44,2%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 83%; tỷ lệ 8 bác sỹ và 26 giường bệnh/vạn dân; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng còn dưới 13%; cơ bản không còn hộ nghèo; tuổi thọ trung bình đạt trên 80 tuổi. Hạ tầng viễn thông phát triển hiện đại và đồng bộ, mật độ thuê bao Internet đạt tối thiểu 48 - 50% .

- Định hướng đến năm 2030: Quy mô dân số đạt khoảng 1,44 triệu người; tỷ lệ đô thị hoá đạt 59,6%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 95%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 5%. Hiện đại hoá mạng lưới điện đảm bảo vận hành hiệu quả, an toàn (100% hệ thống cấp dẫn điện ở khu vực đô thị trung tâm và các thị trấn ở các huyện được ngầm hoá). Mật độ thuê bao Internet đạt trên 80%. Hệ thống cấp thoát nước đồng bộ, hiện đại đảm bảo cấp nước sạch sinh hoạt cho cả khu vực đô thị và nông thôn.

c) Về môi trường:

- Bảo đảm sự hài hoà giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Bảo vệ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên, cảnh quan thiên nhiên và các không gian đô thị, văn hoá, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp sinh thái theo hướng phát triển bền vững, xanh, sạch, đẹp; giải quyết cơ bản tình trạng ô nhiễm ở các làng nghề, hình thành các vành đai xanh, nhất là khu vực đô thị.

- Đến năm 2020: 100% dân số đô thị và 95% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý rác thải, chất thải (gồm cả chất thải rắn, nước thải và không khí), đảm bảo 100% đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các làng nghề truyền thống có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn; 100% rác thải y tế được thu gom, xử lý.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phát triển ngành công nghiệp:

- Phát triển công nghiệp bền vững với tốc độ nhanh làm động lực phát triển kinh tế của tỉnh; phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 11,9%; giai đoạn 2021 - 2030 là 6,8%.

- Phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn theo hướng công nghệ cao, sản phẩm có tính cạnh tranh trên thị trường quốc tế, hạn chế các ngành công nghiệp gia công, lắp ráp, các ngành có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ cho các ngành công nghiệp chủ lực nhằm tạo ra chuỗi giá trị gia tăng cao cho các sản phẩm công

ngành nội tỉnh. Từng bước tiến đến hình thành cụm công nghiệp liên kết (cluster) trên cơ sở lấy doanh nghiệp lớn là hạt nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ là các vệ tinh cung ứng.

- Xây dựng kế hoạch phát triển một số ngành công nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghệ thông tin truyền thông; công nghệ sinh học; công nghiệp vật liệu mới; công nghệ tự động hóa. Triển khai dự án phát triển công nghiệp hỗ trợ cho phát triển công nghệ cao song song với đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao.

- Tập trung đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, đẩy mạnh thu hút đầu tư theo hướng có chọn lọc, nâng cao hiệu quả trên 1 ha diện tích công nghiệp, tạo ảnh hưởng lan tỏa đến phát triển kinh tế của tỉnh.

- Rà soát, điều chỉnh các khu, cụm công nghiệp, ưu tiên phát triển các cụm công nghiệp làng nghề gắn với việc bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và đảm bảo vệ sinh môi trường sinh thái.

2. Phát triển dịch vụ, du lịch.

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng khu vực dịch vụ giai đoạn 2016 - 2020 đạt 12,8%; giai đoạn 2021 - 2030 đạt 13,5%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đến năm 2020 đạt 90.000 tỷ đồng; tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 14,8%/năm.

- Dịch vụ: Đẩy mạnh xuất khẩu với tốc độ tăng trưởng bền vững, làm động lực thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Tiếp tục duy trì các sản phẩm xuất khẩu có lợi thế cạnh tranh; nâng dần tỷ trọng các sản phẩm xuất khẩu qua chế biến sâu, các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, gắn với các loại hình dịch vụ hỗ trợ như logistic, tài chính, ngân hàng...; hình thành chuỗi các mặt hàng xuất khẩu chủ lực như điện tử, viễn thông, sản phẩm chế tác; giữ vững các thị trường xuất khẩu truyền thống, đồng thời đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và mặt hàng xuất khẩu. Khuyến khích nhập khẩu công nghệ phục vụ cho quá trình phát triển các ngành công nghệ chế biến, các ngành công nghiệp phụ trợ. Tạo điều kiện thuận lợi, thu hút và nâng cao chất lượng dịch vụ tài chính, tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm, dịch vụ công nghệ, viễn thông, điện lực, du lịch, vui chơi giải trí, đào tạo, chăm sóc sức khỏe....

- Du lịch: Phát triển gắn với việc bảo tồn và phát huy giá trị của các di tích lịch sử, di sản văn hóa, bảo đảm an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, thực hiện liên kết phát triển du lịch với các địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ và miền núi Bắc bộ. Xây dựng Bắc Ninh trở thành một trong những trung tâm du lịch văn hóa lớn của vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước.

3. Phát triển ngành nông lâm nghiệp và thủy sản

- Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, ứng dụng công nghệ cao, tăng giá trị kinh tế trên mỗi đơn vị diện tích đất, xây dựng các vùng sản xuất hàng hoá tập trung: Vùng trồng lúa năng suất cao, vùng trồng rau, vùng cây công nghiệp ngắn ngày, vùng hoa, cây cảnh, vùng nuôi cá....

- Phát triển chăn nuôi gia trại lợn theo hướng công nghiệp ngoài khu dân cư, tạo thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung. Phát triển các vùng chăn nuôi đàn bò thịt ở những xã có điều kiện, duy trì chăn nuôi gia cầm tập trung tại một số địa phương trong tỉnh.

- Ổn định diện tích rừng và đất lâm nghiệp khoảng 625 ha với kết cấu rừng bền vững, nhiều tầng tán; đẩy mạnh trồng cây phân tán trong các khu công nghiệp, khu đô thị, khu vực nông thôn, cơ quan, công sở...

4. Các lĩnh vực xã hội, khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

a) Giáo dục - đào tạo

- Tạo chuyển biến cơ bản về chất lượng, hiệu quả và quy mô giáo dục đào tạo ở tất cả các cấp; tập trung đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là nguồn nhân lực cho các lĩnh vực mũi nhọn.

- Củng cố và phát triển mạng lưới trường học hiện có; nâng cấp và xây dựng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các trường cao đẳng, đại học. Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên đủ, đồng bộ, đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Thực hiện tốt công tác xã hội hoá giáo dục, xây dựng một xã hội học tập.

- Hoàn thiện hệ thống mạng lưới các trường trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Nghiên cứu chuyển đổi mô hình đào tạo một số trường trung học phổ thông thành trung học phổ thông kỹ thuật, cao đẳng sư phạm thành trường đại học đa ngành của tỉnh. Hoàn thành trung tâm nghiên cứu khoa học và làng đại học để thu hút, tiếp nhận các trường di dời từ thủ đô Hà Nội; đưa Bắc Ninh trở thành trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao của vùng, đặc biệt phát huy nhân tố con người phù hợp với trình độ của giai đoạn phát triển mới.

b) Y tế

- Phát triển đồng bộ mạng lưới y tế đến tận cơ sở; từng bước nâng cao chất lượng chuyên môn dịch vụ và y đức cho đội ngũ cán bộ y tế; giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao sức khỏe, thể lực, tăng tuổi thọ. Phấn đấu đạt mục tiêu thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân và các chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số.

- Phát triển mạng lưới các bệnh viện tuyến tỉnh cả về quy mô giường bệnh và chất lượng dịch vụ. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị khám chữa bệnh hiện đại với bệnh viện đa khoa 1.000 giường; Bệnh viện sản - nhi; Trung tâm ung bướu, nâng cấp bệnh viện đa khoa tuyến huyện; kế thừa, bảo tồn và phát triển y dược học cổ truyền.

- Xây dựng mạng lưới y tế dự phòng từng bước hoàn chỉnh, hiện đại; 100% xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư phát triển hạ tầng trong lĩnh vực y tế, tạo điều kiện và khuyến khích phát triển các bệnh viện đa khoa tư nhân, các phòng khám đa khoa tư nhân và các trung tâm tư vấn sức khỏe. Khuyến khích các công ty dược nghiên cứu, sản xuất thuốc, nuôi trồng, chế biến thuốc nam.

- Chú trọng hình thành xã hội khỏe mạnh, tăng cường chất lượng hệ thống y tế dự phòng, xây dựng hệ thống chăm sóc sức khỏe cho người dân; nâng cao hiệu quả công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm.

c) Văn hoá thông tin, phát thanh truyền hình

- Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa, chất lượng cao và đặc thù của địa phương - văn hóa kinh Bắc. Phấn đấu 90% số hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, hoàn thành đầu tư nhà bảo tàng, thư viện tỉnh; đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa các cấp.

- Xây dựng kế hoạch triển khai các dự án bảo tồn và phát huy giá trị dân ca quan họ kinh Bắc; nghiên cứu đầu tư Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh, sân khấu thực cảnh tại đồi Lim và hạ tầng cho các làng Quan họ; hoàn thành tổng kiểm kê di tích và các loại hình di sản văn hoá phi vật thể; đề nghị xếp hạng di tích đạt 40% trên tổng số di tích toàn tỉnh.

d) Thể dục, thể thao

- Xây dựng và phát triển ổn định vững chắc thể thao thành tích cao; duy trì, giữ vững và từng bước nâng thứ hạng thể thao thành tích cao của tỉnh; tập trung đầu tư các môn thể thao có lợi thể truyền thống và mũi nhọn, chú trọng đào tạo bồi dưỡng đội ngũ vận động viên thành tích cao.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tầng lớp nhân dân và các tổ chức tham gia hoạt động và đầu tư cho thể dục thể thao. Đẩy nhanh việc xây dựng khu liên hợp thể dục thể thao, nâng cấp sân vận động Suối Hoa thành Trung tâm huấn luyện Thể thao Suối Hoa theo hình thức xã hội hóa. Từng bước chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất và tổ chức thành công từ 1 - 2 môn thi đấu ASIAD 18 tổ chức tại Bắc Ninh. Phấn đấu đến năm 2020, số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên đạt 40 - 45% dân số; 90 - 95% số huyện, thị xã, thành phố có sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi.

đ) Khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường

- Đầu tư có trọng điểm, tập trung lựa chọn, ứng dụng và chuyển giao các thành tựu khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất và đời sống. Nghiên cứu đầu tư đổi mới công nghệ các ngành sản xuất, sản phẩm chủ lực theo hướng công nghệ cao, hiện đại; nông nghiệp công nghệ cao, xanh và sạch, có cơ chế khuyến khích thu hút đầu tư vào khu nông nghiệp công nghệ cao, đặc biệt là khu thực nghiệm ứng dụng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao ở Tiên Du. Hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới và ứng dụng công nghệ sạch trong các làng nghề truyền thống.

- Triển khai công tác bảo vệ môi trường trong các ngành, lĩnh vực. Phát triển công nghiệp kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường; kiểm soát việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo các danh mục hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, kiểm soát an toàn thực phẩm. Khuyến khích xử lý chất thải chăn nuôi (bể bioga) để sản xuất khí sinh học trong sinh hoạt.

e) Các công tác xã hội khác

- Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình xóa đói giảm nghèo, xây dựng mô hình giảm nghèo bền vững; phấn đấu đến năm 2020, cơ bản không còn hộ nghèo. Mở rộng phạm vi, đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với những người có công và bảo trợ xã hội.

5. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng

a) Giao thông

- Đường bộ: Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải xem xét, nâng cấp các tuyến quốc lộ 1A; quốc lộ 18; quốc lộ 38; quốc lộ 3 mới; vành đai 4; chủ động xem xét, nâng cấp các tuyến đường tỉnh phù hợp với nhu cầu phát triển và nguồn lực từng giai đoạn. Phấn đấu đến năm 2020, 100% số km đường được trải nhựa theo tiêu chuẩn đường cấp 4 đồng bằng; các tuyến đường liên xã đạt tiêu chuẩn từ cấp 5 đến cấp 4 đồng bằng; xây dựng các tuyến đường gom dọc các tuyến đường cao tốc và một số tuyến đường tỉnh lộ có khu công nghiệp.

- Đường sắt: Phối hợp với các cơ quan Trung ương xem xét nâng cấp, cải tạo đoạn tuyến đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn đạt tiêu chuẩn đường sắt quốc gia cấp I; đẩy nhanh tiến độ xây dựng tuyến đường Yên Viên - Hạ Long; nghiên cứu xây dựng tuyến mới cách tuyến cũ khoảng 2 - 3 km về phía Bắc để vận tải hàng hoá và liên vận quốc tế, tuyến đường sắt đô thị Hà Nội - Bắc Ninh vào giai đoạn 2020 - 2030.

- Đường sông: Tiếp tục nạo vét, chỉnh trị dòng chảy các đoạn sông để vận tải hàng hóa và phục vụ du lịch trên các tuyến sông.

- Hệ thống cảng: Nghiên cứu nâng cấp cảng Đáp Cầu, cảng nhà máy kính Đáp Cầu và kính Nội và cảng Đức Long (cả cảng sông và cảng cạn); xây dựng cảng cạn ICD tại khu vực giáp huyện Tiên Du và thành phố Bắc Ninh.

b) Mạng lưới cấp điện

- Nâng công suất trạm 220kV Bắc Ninh lên thành 2x250MVA cấp điện cho phụ tải các huyện Quế Võ, Gia Bình, Lương Tài; xây dựng trạm 220/110kV Bắc Ninh 3 (Yên Phong) công suất 2x250MVA; dự kiến xây dựng trạm 220/110kV Bắc Ninh 2 (Tiên Sơn), công suất 2x250MVA.

- Về phát triển lưới 110kV cân đối với sự gia tăng phụ tải của 2 vùng phụ tải ngoài các trạm 110kV hiện có sẽ được nâng công suất, cần thiết phải xây dựng mới thêm trong giai đoạn 2016 - 2020 các trạm 110kV khác nếu cần.

c) Thông tin và truyền thông

- Phát triển mạnh dịch vụ bưu chính điện tử; triển khai tự động hóa trong cung cấp dịch vụ (tự động hóa cấp tỉnh); xây dựng mạng truyền dẫn quang, đảm bảo đến năm 2020 100% số xã tổ chức được hội nghị truyền hình trực tuyến qua mạng; mở rộng và nâng cao chất lượng mạng lưới viễn thông.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp công nghệ thông tin trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin trong các đơn vị cơ quan nhà nước cấp Sở, ngành, huyện/thị, thành phố. Hoàn thiện hạ tầng và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đến các đơn vị cấp xã/phường, thị trấn, xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh đạt tiêu chuẩn quốc gia; đầu tư xây dựng 1 - 2 trung tâm đào tạo công nghệ thông tin tỉnh. Phát triển thương mại điện tử trên toàn tỉnh, hoàn thiện triển khai cổng thông tin điện tử tại 80% phường trên địa bàn tỉnh vào năm 2020.

d) Mạng lưới thủy lợi

Phát triển thủy lợi nhằm đáp ứng được nhu cầu cấp nước, tiêu thoát nước cho các ngành kinh tế; đảm bảo giải quyết nước tưới cho cây trồng; đảm bảo tiêu úng chủ động; đảm bảo chống lũ sông, cải tạo nâng cấp đê tả sông Đuống và đê hữu sông Cầu và những đoạn đê đã bị xuống cấp.

đ) Bảo vệ môi trường, cấp, thoát nước, xử lý rác thải, nước thải

Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong toàn xã hội, có các giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Đến năm 2020, tỉnh cơ bản ngăn chặn mức gia tăng ô nhiễm, phục hồi suy thoái và nâng cao

chất lượng môi trường; phần đầu 80% cơ sở sản xuất, kinh doanh được cấp chứng nhận đạt chuẩn môi trường; 100% đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các làng nghề truyền thống có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt chuẩn; 100% dân số đô thị và 95% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch; 95% rác thải sinh hoạt, 100% rác thải y tế được thu gom, xử lý...

6. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng an ninh

- Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng - an ninh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, tăng cường đầu tư đáp ứng yêu cầu xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh.

- Xây dựng và triển khai thực hiện tốt các phương án phòng thủ, quản lý chặt chẽ quân dự bị động viên đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng, gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội trên từng địa bàn, trong quy hoạch, kế hoạch và từng chương trình phát triển trên địa bàn tỉnh.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN

1. Phát triển các vùng kinh tế: Tổ chức không gian lãnh thổ thành 2 vùng để phát triển kinh tế gồm:

- Khu vực Bắc sông Đuống có 03 tiểu vùng là: Đô thị lõi Bắc Ninh (chủ yếu gồm thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, Tiên Du) với diện tích khoảng 25.940 ha, chức năng là trung tâm tổng hợp; huyện Yên Phong với diện tích 9.686 ha, chức năng là vùng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp và huyện Quế Võ với diện tích 13.465 ha, chức năng là vùng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp.

- Khu vực Nam sông Đuống có 03 tiểu vùng là: Huyện Thuận Thành với diện tích 11.791 ha, chức năng là vùng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp; huyện Gia Bình với diện tích 10.779 ha, chức năng là vùng nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ và huyện Lương Tài với diện tích 10.567 ha, chức năng là vùng nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ.

2. Phát triển hệ thống đô thị và nông thôn

- Hệ thống phân bố dân cư thống nhất trên cơ sở mô hình phát triển "Chùm đô thị hướng tâm, nhất thể hóa đô thị nông thôn" gồm: 01 đô thị lõi trung tâm Bắc Ninh, 03 đô thị vệ tinh (đô thị Chờ, đô thị Phố Mới, đô thị Hồ), cùng 02 vùng dân cư nông thôn là Gia Bình và Lương Tài, đảm bảo cho người dân sống ở các điểm dân cư nông thôn được hưởng dụng các tiện ích công cộng có chất lượng cuộc sống gắn với đô thị.

- Xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành vùng đô thị lớn, trong đó đô thị lõi Bắc Ninh chủ yếu được hình thành trên cơ sở thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn, huyện Tiên Du giữ vai trò là "đầu tàu và hạt nhân" thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xây dựng nông thôn mới có kinh tế phát triển toàn diện, bền vững, cơ sở hạ tầng xây dựng đồng bộ, hiện đại, gắn kết hợp lý giữa nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ và đô thị. Phân đấu đến năm 2015 có 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; giai đoạn 2016 - 2020 có thêm 30% số xã đạt chuẩn nông thôn, đưa tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2020 đạt 50%.

V. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ (Phụ lục đính kèm)

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Nhiệm vụ chủ yếu mang tính đột phá:

- Chuyển dịch và thu hút đầu tư công nghiệp theo hướng có chọn lọc bên cạnh việc đảm bảo ổn định cho các loại hình công nghiệp đã hình thành; trong giai đoạn tới tập trung thu hút các loại hình công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ thông tin để sớm đưa Bắc Ninh lên nấc thang cao hơn của một nền công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Phát triển một số loại hình dịch vụ theo hướng liên kết mở, liên vùng, liên tỉnh, nhằm phát huy lợi thế vị trí cửa ngõ Đông Bắc của vùng Hà Nội, nằm trên hành lang Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng. Trong đó tập trung phát triển mạnh các loại hình dịch vụ gắn với công nghiệp đó là dịch vụ trung chuyển hàng hóa, dịch vụ đô thị, dịch vụ tài chính ngân hàng.

- Ưu tiên phát triển đô thị lõi Bắc Ninh, Từ Sơn, Tiên Du trở thành các đô thị hạt nhân có sức hút, mức độ tập trung cao, hệ thống hạ tầng hoàn thiện, để thu hút các loại hình dịch vụ chất lượng cao, đảm bảo năng lực cạnh tranh.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ của tỉnh, trọng tâm là hình thành đội ngũ các nhà khoa học, nhà quản lý giỏi, có cơ chế chính sách bồi dưỡng, thu hút, tuyển dụng nhân tài làm việc và cống hiến tại địa phương.

2. Các giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Nhu cầu vốn đầu tư cho việc thực hiện quy hoạch là rất lớn. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách hàng năm, tỉnh cần chủ động xây dựng kế hoạch, phân kỳ đầu tư phù hợp để đảm bảo vốn cho các công trình, các dự án trọng điểm. Đồng thời cần có các giải pháp đẩy mạnh thu hút đầu tư trong và ngoài

nước; huy động, sử dụng tốt mọi nguồn lực từ các thành phần kinh tế, các nguồn vốn từ dân cư, doanh nghiệp ngoài quốc doanh và đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tiếp tục tạo lập môi trường thuận lợi và xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi để thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển nhanh và bền vững. Trong thời gian tới cần:

- Vận dụng linh hoạt cơ chế chính sách nhằm huy động vốn một cách tích cực, trong đó nguồn nội lực là chủ yếu, huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất để phát triển đô thị, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, chú trọng thu hút vốn từ các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, xã hội hoá trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hoá - thể thao...

- Đối với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (bao gồm cả vốn ODA), trong đó cả từ ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh dành chủ yếu cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội; tăng tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế của tỉnh, có các biện pháp khuyến khích tiết kiệm cho đầu tư phát triển. Tranh thủ các nguồn vốn từ Trung ương thông qua các chương trình phát triển và các cơ chế chính sách ưu đãi của Chính phủ; đối với các nguồn tài trợ ODA, tập trung vào lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật ở các trung tâm kinh tế và các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, các công trình bảo vệ môi trường, giảm nghèo,...

- Đối với vốn doanh nghiệp nhà nước và tín dụng nhà nước: Cần khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhà nước mở rộng đầu tư sản xuất, kinh doanh; tăng cường bố trí vốn tín dụng nhà nước cho các dự án sản xuất ưu tiên.

- Đối với nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp ngoài quốc doanh và dân cư: Ban hành và thực thi nhất quán chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt công tác xúc tiến đầu tư. Khẩn trương đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, làng nghề truyền thống theo quy hoạch được duyệt. Xây dựng danh mục và xúc tiến các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh có nguồn thu lớn và các sản phẩm hàng hoá phục vụ xuất khẩu. Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp như y tế, giáo dục, đào tạo nghề, văn hóa, thể thao khoa học công nghệ... Sử dụng hiệu quả đất đai và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác. Tăng cường huy động vốn đầu tư từ các hình thức đầu tư BOT, BTO, BT, PPP để đẩy nhanh phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ quỹ đất và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác trên địa bàn tỉnh.

- Đối với vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): Huy động tối đa nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài. Chú trọng công tác xúc tiến đầu tư để thu hút làn sóng đầu tư mới từ Nhật Bản, Hoa Kỳ và các quốc gia khác vào Việt Nam.

3. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Cải cách tư pháp: Xây dựng mạng lưới các tổ chức dịch vụ pháp lý, hỗ trợ tư pháp trên địa bàn; triển khai các biện pháp nhằm phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi tình hình thi hành pháp luật, đảm bảo hiệu quả thi hành pháp luật ở địa phương; thực hiện củng cố, kiện toàn về tổ chức và tăng cường năng lực cho đội ngũ những người làm công tác tư pháp, pháp chế ở địa phương; rà soát lại các văn bản pháp luật gắn với kế hoạch hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương, đảm bảo tính thống nhất, minh bạch, dễ tiếp cận đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Công chức, công vụ: Tiếp tục triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tạo điều kiện để nhân dân phát huy quyền làm chủ trong việc tham gia các hoạt động kinh tế và xây dựng và củng cố chính quyền. Tăng cường sự phối kết hợp giữa Đảng, chính quyền và nhân dân. Xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh và các cấp, các ngành. Rà soát lại chất lượng cán bộ ở tất cả các cấp, các ngành, từ đó có kế hoạch chi tiết để bồi dưỡng, đào tạo và đào tạo lại. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý; đồng thời, tập trung xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả đề án nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài của tỉnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở.

- Cải cách bộ máy và thủ tục hành chính: Đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính; rà soát, tổng kết, tiếp tục thực hiện cơ chế “một cửa hiện đại” trên các lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, đền bù, giải phóng mặt bằng, môi trường... Ứng dụng công nghệ thông tin, vận hành “chính quyền điện tử” vào năm 2015. Đổi mới việc lập, giao và thực hiện kế hoạch của tỉnh và các ngành. Nâng cao chất lượng ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; đảm bảo tuân thủ tính pháp chế và phù hợp với điều kiện của địa phương. Áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO đối với tất cả các cơ quan hành chính. Cải cách tài chính công theo hướng nâng cao hiệu quả đầu tư công, duy trì vững chắc trong top 10 tỉnh có chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh đứng đầu toàn quốc.

- Cải cách thể chế: Coi trọng việc nâng cao năng lực của chính quyền cơ sở. Khẩn trương cải tiến phương thức quản lý và củng cố đội ngũ cán bộ ở cơ sở theo hướng tiếp cận với công nghệ thông tin, trang bị hệ thống thông tin liên lạc; nâng cao trách nhiệm cá nhân của đội ngũ cán bộ chủ chốt.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra; quyết tâm ngăn chặn phòng, chống tham nhũng một cách hiệu quả.

4. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và của toàn xã hội về phát triển nhân lực: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về giáo dục, đào tạo và pháp luật liên quan đến vấn đề phát triển nhân lực, trong đó làm tốt công tác tuyên truyền hướng nghiệp cho học sinh phổ thông, nhất là học sinh Trung học phổ thông. Chú trọng tuyên truyền, thông báo, tập huấn kịp thời cho doanh nghiệp, người sử dụng lao động về chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước liên quan đến lao động, việc làm để họ có định hướng, kế hoạch thực hiện.

- Đổi mới quản lý nhà nước về phát triển nhân lực: Hoàn thiện bộ máy quản lý phát triển nhân lực, đổi mới phương pháp quản lý, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả hoạt động. Cải tiến và tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành về phát triển nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh; tạo sự phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ, thống nhất tốt nhất cho sự phát triển nhân lực trên địa bàn.

- Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực: Nâng cao thể lực và tầm vóc của nhân lực, chú ý làm tốt công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe ban đầu, nâng cao thể lực toàn dân. Tích cực thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong hệ thống trường phổ thông, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, kỹ năng thực hành, khả năng lập nghiệp. Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. Gắn việc phát triển các trường cao đẳng, đại học, cơ sở đào tạo với phát triển nguồn nhân lực phục vụ các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn. Chú trọng đào tạo, nâng cao trình độ, kiến thức và kỹ năng lao động. Hàng năm, đào tạo, bồi dưỡng tại chỗ để theo kịp sự phát triển của khoa học công nghệ tiên tiến trong sản xuất, đồng thời phù hợp với đường lối, chính sách, luật pháp về phát triển xã hội và phát triển doanh nghiệp...

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách và công cụ khuyến khích và thúc đẩy phát triển nhân lực: Cụ thể hoá và thể chế hoá chính sách đầu tư khuyến khích và thúc đẩy phát triển nhân lực. Thực hiện chế độ ưu đãi về sử dụng đất đai, giảm tiền thuê đất; vay vốn ưu đãi để đầu tư xây dựng các cơ sở phát triển nhân lực; cấp kinh phí mua sắm trang thiết bị giảng dạy; có chế độ ưu đãi với giáo viên... Tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước, huy động mọi nguồn lực trong xã hội để phát triển nhân lực; đổi mới cơ chế quản lý tài chính. Có chính sách tạo việc làm, hỗ trợ đối tượng nghèo khi tham gia các loại hình bảo hiểm. Thực hiện chính sách nhà ở, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho công nhân ở các khu công nghiệp tập trung. Hoàn thiện chính sách đãi ngộ về tiền lương, tiền thưởng và các loại phụ cấp và chính sách thu hút nhân tài về tỉnh công tác.

- Nhanh chóng xây dựng và phát triển mạng lưới thông tin thị trường lao động và dịch vụ về đào tạo, tìm kiếm, giới thiệu việc làm.

5. Giải pháp về phát triển khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

a) Các giải pháp phát triển khoa học và công nghệ

- Gắn việc ứng dụng nhanh các thành tựu của khoa học - kỹ thuật và phát triển khoa học, công nghệ cao vào sản xuất, đặc biệt là công nghệ tin học trong mọi lĩnh vực. Từng bước đưa công nghệ thông tin vào các lĩnh vực quản lý, kể cả quản lý, điều hành kinh tế và quản lý xã hội.

- Ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong các khâu chế biến nông thủy sản và các ngành công nghiệp chế tác khác. Có các chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư đưa các công nghệ mới, tiên tiến vào sản xuất.

- Xây dựng cơ chế để hình thành doanh nghiệp dịch vụ khoa học và công nghệ làm tư vấn và cung cấp thông tin khoa học và công nghệ cho các doanh nghiệp trong công nghiệp nói riêng và trong các hoạt động kinh tế nói chung. Xây dựng chính sách khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng công nghệ mới vào sản xuất để nâng cao giá trị sản xuất và bảo vệ môi trường.

- Xã hội hóa hoạt động khoa học và công nghệ, huy động sự đóng góp trí tuệ và vật chất cho sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ.

b) Các giải pháp về môi trường, giám sát, quan trắc và xử lý các vấn đề về môi trường trong phát triển kinh tế - xã hội

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục môi trường cho mọi đối tượng. Khuyến khích các doanh nghiệp và các cơ sở kinh doanh sử dụng các công nghệ mới sạch hơn, sử dụng tối ưu các nguyên vật liệu, giảm bao bì và đóng gói sản phẩm.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Ban hành các quy chế, áp dụng các biện pháp ngăn ngừa xử lý các hành vi huỷ hoại hoặc gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác quản lý và hoạt động quản lý môi trường trong khu, cụm công nghiệp. Bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại. Rà soát lại các nguồn gây ô nhiễm trong các khu đô thị để có biện pháp xử lý từng bước.

6. Liên kết, hợp tác phát triển với các tỉnh trong vùng

- Tiếp tục thực hiện chương trình hợp tác với các địa phương đã ký kết, đồng thời mở rộng hợp tác với các địa phương khác. Lây việc thực hiện chương trình hợp tác với các địa phương là một nhiệm vụ trọng tâm trong các hoạt động kinh tế đối ngoại của tỉnh trong thời kỳ hội nhập.

- Đẩy mạnh hợp tác phát triển giữa Bắc Ninh với thành phố Hà Nội và các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng

+ Trong lĩnh vực kinh tế bao gồm: Xây dựng các công trình liên tỉnh, quy mô vùng (các trục giao thông, công trình thủy lợi lớn, khu xử lý chất thải nguy hại...); phối hợp xây dựng các chương trình vận động, xúc tiến đầu tư chung giữa các tỉnh để thu hút một số tập đoàn kinh tế, công ty lớn của nước ngoài đầu tư vào các khu công nghiệp; hợp tác kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư sản xuất - kinh doanh, đầu tư - xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp các tỉnh. Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư vào các lĩnh vực: Công nghiệp phụ trợ, công nghiệp điện tử, công nghiệp chế biến thực phẩm, công nghiệp cơ khí.... Hợp tác trao đổi kinh nghiệm hoạt động và hình thức quản lý trong các lĩnh vực thương mại, du lịch - dịch vụ; khảo sát xây dựng và khai thác các tour du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh Bắc Ninh - Thành phố Hà Nội - Quảng Ninh - Hải Phòng và các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Hồng. Hợp tác cung cấp giống con, giống cây và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật để thúc đẩy phát triển nông nghiệp. Tăng cường trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, trao đổi hàng hóa và tiêu thụ sản phẩm. Hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học - kỹ thuật, chuyển giao kết quả các công trình nghiên cứu và triển khai ứng dụng trong tất cả các lĩnh vực. Trao đổi kinh nghiệm trong việc nghiên cứu lập, quản lý quy hoạch các khu đô thị, khu công nghiệp, các dự án đầu tư xây dựng.

+ Trong lĩnh vực văn hóa, xã hội và y tế: Hợp tác, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm về lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục - đào tạo; trao đổi kinh nghiệm thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm và xây dựng nông thôn mới. Tạo mối liên kết trong mạng lưới giáo dục đại học, chữa bệnh và an sinh xã hội.

VII. TỔ CHỨC VÀ GIÁM SÁT THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Các bước đi trong thời kỳ quy hoạch

a) Giai đoạn đến năm 2015:

- Phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng trong đó tập trung chủ yếu vào hạ tầng đô thị và công nghiệp (trong đó ưu tiên các đô thị và khu công nghiệp theo hướng phát triển xanh, thân thiện với môi trường); quy hoạch vùng tỉnh; quy hoạch đô thị lõi...; hoàn thiện các quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm.

- Tiếp tục cải cách hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu quả, hệ thống dịch vụ công theo hướng hiện đại, dễ tiếp cận.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tập trung ở đội ngũ nhân lực quản lý, quản trị và hoạch định chính sách.

- Cải thiện môi trường đầu tư (tiếp cận đất đai, thủ tục cấp phép đầu tư...), thu hút có chọn lọc các dự án có trình độ công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ cho cả vùng đáp ứng yêu cầu về môi trường.

b) Giai đoạn 2016 - 2020

- Phát huy lợi thế so sánh vùng, khai thác lợi thế tụ hội đô thị và ảnh hưởng tích cực của quá trình đô thị hóa; chuyển dịch mạnh cơ cấu ngành nghề theo hướng tập trung vào các ngành có chất lượng, hiệu quả, năng suất cao (tăng tỷ trọng đóng góp cho nền kinh tế).

- Ổn định các chính sách và môi trường thu hút đầu tư để đảm bảo tính bền vững, tạo điều kiện để các doanh nghiệp phát huy tối đa năng lực.

- Có chính sách khuyến khích thu hút các loại hình dịch vụ trong đó tập trung các loại hình dịch vụ trung chuyên hàng hóa, dịch vụ cung ứng cho vùng tham gia hiệu quả trong chuỗi giá trị của khu vực, quốc tế.

- Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật và xã hội một số khu đô thị theo tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo điều kiện sống tốt để thu hút đội ngũ nhân lực chất lượng cao về làm việc và sinh sống tại Bắc Ninh.

2. Tổ chức thực hiện Quy hoạch

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt sẽ là phương hướng cơ bản, là căn cứ quan trọng để các ngành, các cấp thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình và các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tiến hành sản xuất kinh doanh góp phần thực hiện các mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh thời kỳ 2011 - 2020.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh có trách nhiệm tổ chức công bố, phổ biến quán triệt nội dung quy hoạch này đến tất cả các cơ quan chức năng, các cấp chính quyền, các tổ chức kinh tế - xã hội và toàn dân nhằm tạo sự nhận thức thống nhất, tập trung trí tuệ, năng lực, vận động toàn dân hưởng ứng và tích cực tham gia thực hiện theo các định hướng và mục tiêu quy hoạch đề ra.

- Quy hoạch này sẽ làm căn cứ định hướng và cơ sở rà soát kế hoạch 5 năm, các chương trình, dự án cụ thể để đưa vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm. Trong kế hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội, các cơ quan cần vận dụng tốt các nội dung quy hoạch này vào nhiệm vụ của mình, xác định các mục tiêu phát triển phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, thường xuyên cập nhật để bổ sung, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với thực tế.

- Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 là cơ sở cho triển khai rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành khác), các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nêu trong Quy hoạch sau khi được phê duyệt, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập, trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định các nội dung sau:

1. Rà soát, bổ sung điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện; quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu để đảm bảo sự phát triển đồng bộ.

2. Lập các kế hoạch 5 năm, hàng năm; các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trọng điểm; các dự án cụ thể để tập trung đầu tư, bố trí ưu tiên đầu tư một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (nếu vấn đề vượt quá thẩm quyền) một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

Điều 4. Giao các Bộ, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn, hỗ trợ giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh trong quá trình thực hiện quy hoạch.

2. Phối hợp với tỉnh Bắc Ninh trong quá trình rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch ngành, lĩnh vực để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của Quy hoạch; xem xét, hỗ trợ tỉnh trong việc huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch. Đẩy nhanh đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất Vùng và có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh Bắc Ninh đã được quyết định đầu tư.

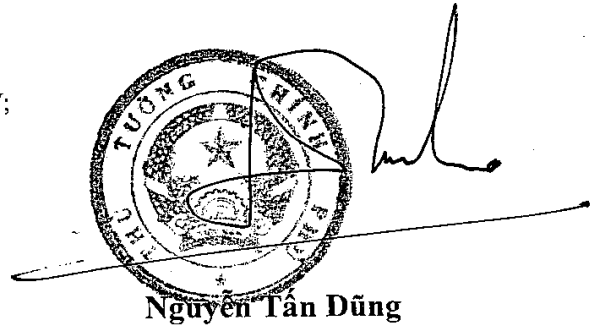
Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b).KN. 40

THỦ TƯỚNG



The image shows the official seal of the Prime Minister of Vietnam, which is circular and contains the text 'THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ' and 'CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM'. A handwritten signature is written over the seal. Below the seal, the name 'Nguyễn Tấn Dũng' is printed.

Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục
ĐANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
THỜI KỲ 2011 - 2020 CỦA TỈNH BẮC NINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1831/QĐ-TTg
ngày 09 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án
I	CÁC DỰ ÁN DO TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ
1	Quốc lộ 38 mới
2	Đường vành đai IV
3	Đường sắt tuyến Yên Viên - Phả Lại
4	Quốc lộ 3 Hà Nội - Thái Nguyên
II	CÁC DỰ ÁN DO TỈNH QUẢN LÝ
1	Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh nút giao thông khác mức giữa QL18 và QL1 mới; nút giao QL38 và QL1 mới
2	Đầu tư xây dựng cải tạo nâng cấp đường TL 295B đoạn từ đường Lê Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh đến phường Đông Ngàn, thị xã Từ Sơn Giai đoạn 1: (đoạn qua thị xã Từ Sơn)
3	Đầu tư xây dựng đường nối TL282 - Cầu vượt Sông Đuống với Quốc lộ 18 thuộc huyện Gia Bình và huyện Quế Võ.
4	Đầu tư xây dựng đường từ Đền Đô đến đường Vành đai III và Quốc lộ 1A cũ (TL295 B) thị xã Từ Sơn
5	Đường dọc kênh B2 và đường Trịnh Xá - Đa Hội, phường Châu Khê, thị xã Từ Sơn.
6	Đầu tư xây dựng mới TL282B
7	Đầu tư xây dựng các Khu đô thị tại Thành phố Bắc Ninh, huyện Yên Phong, huyện Quế Võ
8	Xây dựng các khu nhà ở cho công nhân
9	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại 8/8 huyện, thị xã, thành phố
10	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước mặt sông Cầu
11	Dự án phát triển phần mềm công nghệ thông tin
12	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Lâm Bình
13	Dự án đầu tư xây dựng Khu trung tâm lưu chuyển hàng hoá.

14	Dự án đầu tư Siêu thị, Trung tâm thương mại thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn
15	Dự án xây dựng khách sạn
16	Dự án đầu tư xây dựng Trường đại học tiêu chuẩn quốc tế
17	Dự án xây dựng trường đào tạo công nhân kỹ thuật
18	Dự án đầu tư xây dựng Trường THPT chuyên Bắc Ninh
19	Dự án sản xuất thuốc và nguyên liệu thuốc kháng sinh đạt tiêu chuẩn GMP
20	Dự án sản xuất thiết bị điện tử y tế.
21	Dự án Bệnh viện Đa khoa Từ Sơn
22	Dự án xây dựng khu du lịch văn hoá quan họ - Phật Tích
23	Dự án đầu tư xây dựng tôn tạo Khu di tích Đền Đô và sông Tiêu Tương
24	Dự án xây dựng công trình công viên Hồ điều hoà Văn Miếu, thành phố Bắc Ninh
25	Dự án đầu tư xây dựng Khu văn hoá Du lịch đền Đám, thị xã Từ Sơn
26	Dự án khu bảo tồn di tích lịch sử văn hóa Lăng mộ các triều Vua Nhà Lý
27	Dự án xây dựng, cải tạo lăng và đền thờ Kinh Dương Vương
28	Dự án đầu tư xây dựng khu du lịch văn hóa quan họ Cổ Mễ
29	Dự án ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi trồng và chế biến các sản phẩm nông nghiệp sạch
30	Dự án sản xuất hàng đồ gỗ mỹ nghệ
31	Dự án sản xuất gỗ ván ép xuất khẩu
32	Dự án lắp ráp, sản xuất linh kiện thiết bị điện tử, viễn thông
33	Dự án lắp ráp, sản xuất điện thoại cố định, điện thoại di động
34	Dự án sản xuất linh kiện chính xác công nghệ in, dụng cụ quang học
35	Dự án lắp ráp, sản xuất máy vi tính
36	Dự án sản xuất vật liệu cao cấp phục vụ công nghệ chế tạo

Ghi chú: Về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ./.